

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 154/2020/DS-PT
Ngày 09 - 9 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyền

Ông Trần Duy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 242/2019/DS-PT ngày 09/12/2019, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2019/DS-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 151/2020/QĐ-PT ngày 21/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2020/QĐ-PT ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; Sinh năm 1963; địa chỉ: Xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn H, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: Xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T có 02 thửa đất đều giáp ranh với đất của bà Nguyễn Thị T1, ông Lâm Văn H gồm:

Thửa thứ nhất: Diện tích 2.770 m², tại thửa số 24, tờ bản đồ số 12 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000, tọa lạc tại xã E, huyện EH,

tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình sử dụng bà T1, ông H có đất rẫy liền kề đã lấn chiếm một phần diện tích đất của ông T có chiều dài là 76m, chiều rộng từ khoảng 20cm đến 1,5m tùy từng đoạn. Tại thửa đất này, thì diện tích đất của ông T bị bà T1, ông H lấn chiếm là 70 m².

Thửa đất thứ hai: Diện tích 9.320 m², tại thửa số 43, tờ bản đồ số 12 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005, tọa lạc tại xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn N. Trong quá trình sử dụng bà T1, ông H đã lấn chiếm một phần diện tích đất của ông T có chiều rộng 03m, chiều dài 10m có diện tích là 30 m².

Do đó, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1, ông H phải trả lại cho ông T diện tích đất đã lấn chiếm tại 02 thửa đất trên.

2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà T1, ông H có thửa đất diện tích 1.470 m², tọa lạc tại xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hiện nay nhà nước thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác, xung quanh thửa đất của bà T1, ông H đều giáp ranh bởi đất của ông T. Hai phía mà ông T cho rằng bà T1, ông H lấn đất thì đã có hàng rào dây thép gai và cột bê tông, một mặt do bà T1, ông H rào, mặt còn lại do ông T làm hàng rào. Do đó, bà T1, ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2019/DS-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175; Điều 176 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 170, 179, 202, 203 Luật đất đai;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 8.000.000 đồng tiền chi phí đo đạc và thẩm định, định giá, được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 19; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH, theo biên lai số AA/2017/0008950 ngày 14/12/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/10/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào Kết quả đo đạc ngày 10/6/2020 của Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật trắc địa S thì thấy:

+ **Đối với thửa đất số 43:** Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu ông H, bà T1 phải trả lại diện tích 30m². Căn cứ vào kết quả đo đạc ngày 10/6/2020 thì hiện nay thực tế là bị bà T1, ông H lấn 60,2m² nên ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông H, bà T1 phải trả lại 60,2m² đã lấn chiếm. Tuy nhiên, trong tổng số 60,2m² nêu trên ông H, bà T1 đã xây dựng một góc nhà vệ sinh lấn lên 5m² đất của gia đình ông T. Do 5m² nhà vệ sinh nêu trên là công trình kiên cố, gắn liền với đất nên ông T không yêu cầu bà T1, ông H phải trả lại. Ông T chỉ yêu cầu ông H, bà T1 trả diện tích đã lấn là 55,2m² (theo như kết quả đo đạc đã thể hiện).

+ Riêng đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông H, bà T1 phải trả lại diện tích đất đã lấn thuộc thửa đất số 24 thì theo kết quả đo đạc cho thấy diện tích đất mà bà T1, ông H lấn là lấn vào đất công (con mương chung) nên nay ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung khởi kiện này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn – Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T1 phải trả lại diện tích đã lấn chiếm 70m² thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12 và 30m² thuộc thửa số 43 đều tọa lạc tại Xã E, huyện EH. Đây là tranh chấp quyền sử dụng đất (đòi đất bị lấn chiếm) nên Tòa án nhân dân huyện Ea Hleo thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kháng cáo của ông Nguyễn Văn T nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, thì thấy:

Đối với thửa đất số 44 của ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T1: Có nguồn gốc từ bố mẹ ông Vũ Văn T2 (chồng bà T1 – đã chết) cho từ năm 1998 và sử dụng ổn định. Ngày 20/10/1999, được Ủy ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P121815 cho ông Vũ Văn T2 với diện tích 1.370m² thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 06/9/2007 ông T2 chết không để lại di chúc, sau đó các con của bà T1 và ông T2 là Vũ Hồng T3, Vũ Hoàng T4 có văn bản thỏa thuận để lại toàn bộ thửa đất số 44 cho bà Nguyễn Thị T1 toàn quyền sử dụng. Ngày 08/11/2018, UBND huyện EH chỉnh lý biên động GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị T1. Ông Lâm Văn H là chồng sau của bà T1 và hiện nay đang cùng với bà T1 sử dụng thửa đất này.

Đối với thửa đất số 24 của ông Nguyễn Văn T: Ngày 20/10/1999, Ủy ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P121814 cho ông Nguyễn Văn T với diện tích đất 2.770m² thuộc thửa đất số 24 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại Xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với thửa đất số 43 của ông Nguyễn Văn T: Có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn N. Ngày 22/12/2005, UBND huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD557342 cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H1 với diện tích 9.320m² thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình sử dụng đất ông T cho rằng gia đình ông H và bà T1 đã lấn chiếm đất thuộc các thửa đất số 24 và 43 của mình nên khởi kiện buộc ông H, bà T1 phải trả lại đất cho gia đình ông T.

Căn cứ vào các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 44 của ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T1; thửa đất số 24 và 43 của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H1 thì các thửa đất nói trên Ủy ban nhân dân huyện EH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào các năm 1999 và 2005. Tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đều thể hiện, ranh giới giữa thửa đất số 24 và 44 có 01 con đường (con mương) chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm lại sử dụng Trích đo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2009, lồng ghép với kết quả đo đạc thực tế để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án, trong khi tại Trích đo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2009 ranh giới sử dụng giữa các thửa đất số 44 và thửa đất số 24 đã có sự biến động và không còn con đường (con mương) chung như đã thể hiện tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đã cấp cho gia đình ông T, bà T1. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 44 của bà Nguyễn Thị T1 mà đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Tòa án đã tiến hành xác minh, cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ kỹ thuật trắc địa S tiến hành lồng ghép kết quả đo đạc diện tích thực tế của thửa đất số 44 lên Trích đo Tờ bản đồ số 12 đo đạc năm 1999-2000, kết quả thể hiện: Thực tế phía nam thửa đất số 44 của bà T1 sử dụng lấn sang phần phía bắc thửa đất số 43 của ông T với diện tích lấn là 60,2m². Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu ông H, bà T1 phải trả lại 30m² đất đã lấn vào thửa đất số 43 nhưng căn cứ vào kết quả đo đạc ngày 10/6/2020 thể hiện ông H, bà T1 đã sử dụng lấn vào thửa đất số 43 của ông T với diện tích là 60,2m² nên ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông H, bà T1 phải trả lại cho ông T diện tích 55,2m² có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp với đất ông H, bà T1 (giáp với góc nhà vệ sinh), có chiều rộng 1,11m;
- + Phía Tây giáp với thửa đất số 45 của ông T, bà H1, có chiều rộng 2,38m;
- + Phía Nam giáp với thửa đất số 43 của ông T, bà H1, có chiều dài 32,31m;
- + Phía Bắc giáp với đất ông H, bà T1 (Thửa đất số 44), có chiều dài 31,77m;

Riêng đối với phần diện tích đất 5m² mà ông H, bà T1 đã sử dụng lấn sang thửa đất số 43 của ông T và đã xây dựng một phần nhà vệ sinh là công trình kiên cố, gắn liền với đất nên ông T không yêu cầu bà T1, ông H phải trả lại.

Do đó yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc ông H, bà T1 phải trả lại một phần diện tích thửa đất số 43 đã bị lấn chiếm là có căn cứ. Xét thấy, việc rút một phần nội dung khởi kiện nêu trên của ông T là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

* Ngoài ra, theo đơn khởi kiện ông T còn yêu cầu ông H, bà T1 phải trả lại diện tích 70m² đã sử dụng lấn vào thửa đất số 24 của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Kết quả đo đạc ngày 10/6/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ kỹ thuật trắc địa S đã lồng ghép kết quả đo đạc diện tích thực tế của thửa đất số 44 lên Trích đo Tờ bản đồ số 12 đo đạc năm 1999-2000 thể hiện: Ranh giới giữa thửa đất số 44 (của bà T1) và thửa đất số 24 (của ông T) là một con đường (con mương) chung. Bà T1 có sử dụng lấn sang phần đất con đường (con mương) chung thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã E với diện tích là 32,6m² mà không sử dụng lấn sang thửa đất số 24 của ông T.

Ngày 15/6/2020, ông T đã rút yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông H, bà T1 phải trả lại diện tích 70m² đất đã lấn chiếm thửa đất số 24 của ông T. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp.

Từ những phân tích, nhận định trên có đủ căn cứ xác định ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 đã lấn thửa đất số 43 của ông Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T để buộc ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông T 55,2m² của thửa đất số 43 đất tại Xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk có đặc điểm như sau:

- + Phía Đông giáp với đất ông H, bà T1 (giáp với góc nhà vệ sinh), có chiều rộng 1,11m;
- + Phía Tây giáp với thửa đất số 45 của ông T, bà H1, có chiều rộng 2,38m;
- + Phía Nam giáp với thửa đất số 43 của ông T, bà H1, có chiều dài 32,31m;
- + Phía Bắc giáp với đất ông H, bà T1 (Thửa đất số 44), có chiều dài 31,77m;

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 2.000.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; và 6.000.000 đồng tiền chi phí đo đạc.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 8.000.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và chi phí đo đạc) sau khi thu được số tiền 8.000.000 đồng chi phí tố tụng từ ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T – Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2019/DSST ngày 26/9/2019 của Toà án nhân dân huyện Ea Hleo, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175; Điều 176 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 170, 179, 202, 203 Luật đất đai;

Căn cứ khoản 5 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T để buộc ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T1 phải trả lại cho ông T diện tích đất 55,2m² đất (tại Xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk) đã lấn vào thửa đất số 43, tờ bản đồ số 12 có đặc điểm như sau:

+ Phía Đông giáp với đất ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 (giáp với góc nhà vệ sinh) có chiều rộng 1,11m;

+ Phía Tây giáp với thửa đất số 45 của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H1 có chiều rộng 2,38m;

+ Phía Nam giáp với thửa đất số 43 của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H1 có chiều dài 32,31m;

+ Phía Bắc giáp với đất ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 (thửa đất số 44) có chiều dài 31,77m;

[2.2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc buộc bị đơn ông Lâm Văn H, bà Nguyễn Thị T1 phải trả lại diện tích 70m² đất đã lấn chiếm thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Xã E, huyện EH.

[2.3] Về chi phí tố tụng khác:

Ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 6.000.000 đồng chi phí đo đạc; 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản;

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 8.000.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng sau khi thu được số tiền 8.000.000 đồng từ ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T1.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án theo biên lai số AA/2017/0008950 ngày 14/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Lâm Văn H và bà Nguyễn Thị

T1 phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2019/0001114 ngày 08/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EH.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Hleo;
- CCTHADS huyện EH;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn